

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/5/2022	•		
Tuần 16/5-20/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa với gap âm gần 30 điểm, tuy nhiên sau đó lực mua đã giúp VN-Index thuận lợi trở lại ngưỡng kháng cự 1240 điểm. Chỉ số giằng co quanh vùng này suốt cả phiên chiều và kết phiên tại mốc 1241.64 điểm, tăng 0.88 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm gần như gấp đôi số mã tăng, 12/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Những phiên tăng điểm gần đây thanh khoản liên tục suy yếu dần đi, cho thấy dòng tiền chưa thật sự ủng hộ sự phục hồi của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều giảm nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể mở vị thế Long với các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): DCM_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index 0.88 điểm, đóng cửa 1241.64 điểm. HNX-Index -1.82 điểm, đóng cửa 308.02 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: MSN (+2.75), VCB (+0.72), DGC (+0.55), OCB (+0.46), GAS (+0.39).
- Kéo chỉ số giảm: VNM (-0.67), CTG (-0.59), VPB (-0.55), TPB (-0.40), GVR (-0.40).
- Giá trị khốp lệnh của VN-Index đạt 11.627 tỷ đồng, giảm 10.33% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12.795 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 35.54 điểm. Thị trường có 151 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 292 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -125.55 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-134.01 tỷ), SSI (-80.88 tỷ), VIC (-46.69 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -3.82 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1241.64**
Giá trị: 11627.23 tỷ 0.88 (0.07%)
Khối ngoại (ròng): -125.55 tỷ

HNX-INDEX **308.02**
Giá trị: 1625.8 tỷ -1.82 (-0.59%)
Khối ngoại (ròng): -3.82 tỷ

UPCOM-INDEX **94.58**
Giá trị: 0.63 tỷ -0.15 (-0.16%)
Khối ngoại(ròng): 38.91 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	107.6	-1.81%
Giá vàng	1,827	0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,154	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	24,297	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	18,117	0.58%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	11.63%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	67.3	HPG	-134.0
DCM	48.0	SSI	-80.9
DPM	36.0	VIC	-46.7
VNM	33.5	CTG	-33.9
KBC	26.6	TPB	-32.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	109.59	-2.50%	3.67%	7.39%	72.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	109.21	-2.43%	1.58%	2.42%	63.83%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.71	-5.75%	0.80%	15.05%	76.73%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1816.28	0.09%	-1.94%	-6.85%	-2.85%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.41	-0.97%	-0.70%	-14.91%	-22.86%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1662.75	-0.91%	3.49%	-1.71%	8.09%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1230.75	-3.66%	10.58%	10.98%	81.19%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.98	-0.16%	0.36%	2.97%	31.96%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	242.40	-0.04%	-2.26%	-9.04%	-5.50%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	641.75	-1.84%	6.38%	-12.92%	81.41%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.81	-2.07%	-1.12%	2.50%	25.78%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	218.60	-4.21%	5.25%	-2.19%	48.56%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.18	-1.36%	-0.72%	-11.36%	-8.88%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4865.00	-1.18%	-3.85%	-5.33%	-9.56%		
Nhôm	USD/ton	2839.00	-1.78%	2.20%	-12.94%	16.81%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	125.00	-1.57%	1.63%	-16.94%	-42.26%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	412.00	-0.48%	7.01%	28.35%	315.74%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kết thúc phiên giảm 2.82 USD, tương đương 2.5%, ở mức 109.11 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas (WTI) của Mỹ giảm 2.81 USD, tương đương 2.5% xuống 109.59 USD/thùng.
- Giá dầu giảm 2.5% vào lúc kết thúc phiên ngày 18/5, đảo ngược mức tăng ban đầu khi các nhà giao dịch bớt lo lắng về nguy cơ nguồn cung suy giảm sau khi dữ liệu của chính phủ cho thấy các nhà máy lọc dầu của Mỹ tăng sản lượng.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay phiên này tăng tăng 0.1% lên 1,816.49 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 6/2022 giảm 0.2% xuống 1,815.9 USD.
- Giá vàng giao ngay và vàng kỳ hạn tương lai biến động trái chiều trong bối cảnh lợi suất kho bạc Mỹ giảm song USD lại mạnh lên khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có kế hoạch tăng lãi suất tích cực.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt và thép kỳ hạn của Trung Quốc giảm trong phiên 18/5 sau đợt tăng kéo dài hai ngày, do các nhà giao dịch thận trọng về những rủi ro từ việc hạn chế COVID-19 đã lấn át triển vọng tăng trưởng kinh tế của nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới.
- Trên Sàn giao dịch Singapore, hợp đồng kỳ hạn giao tháng 6 giảm 3% xuống 124.20 USD/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 10 trên Sở giao dịch Osaka kết thúc phiên tăng 2.6 yên, tương đương 1.1%, đạt 247.5 yên (1.92 USD)/kg.
- Giá cao su kỳ hạn tương lai tại Nhật Bản tăng trong ngày 18/5, được hỗ trợ bởi thị trường chứng khoán Tokyo tăng điểm và nguồn cung nguyên liệu thô từ nhà sản xuất hàng đầu Thái Lan thắt chặt hơn.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica trên sàn ICE giảm hơn 4% trong phiên 18/5, sau khi chạm mức cao nhất 3.5 tuần trong phiên trước đó, do nhà đầu tư giảm bớt lo ngại về nguy cơ băng giá ở nhà sản xuất hàng đầu, Brazil.
- Hợp đồng lúa mì giao dịch tích cực nhất trên Sàn giao dịch Chicago (CBOT) kết thúc phiên giảm 46-3/4 cent xuống 12.30-3/4 USD/bushel.

	19/5	% 19/5	18/5	% 18/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1241.64	0.07%	1240.76	1.01%	0.23%	-14.87%
S&P 500			3923.68	-4.04%	-0.29%	-10.66%
HĐTL S&P500	3862.25	-1.54%	3922.75	-3.97%	-1.66%	-13.39%
Shang- hai	3096.97	0.36%	3085.98	-0.25%	1.37%	-3.99%
Euro Stoxx	3603.16	-2.37%	3690.74	-1.36%	-0.28%	-5.94%

Phân tích kỹ thuật
DCM_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ vùng bán quá

Nhận định: DCM đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 24.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu đang hướng về đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 31.4, chốt lãi tại ngưỡng 40.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 28.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

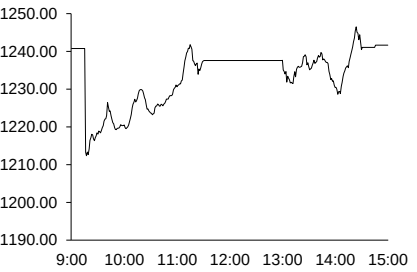
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	1.62%
Thực phẩm và đồ uống	1.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.96%
Hóa chất	0.77%
Xây dựng và Vật liệu	0.61%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.53%
Dầu khí	0.37%
Bất động sản	-0.29%
Viễn thông	-0.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.32%
Ngân hàng	-0.37%
Bán lẻ	-0.42%
Ô tô và phụ tùng	-0.60%
Tài nguyên Cơ bản	-0.77%
Công nghệ Thông tin	-0.84%
Y tế	-0.85%
Du lịch và Giải trí	-0.94%
Bảo hiểm	-1.18%
Truyền thông	-1.64%

Hình 1

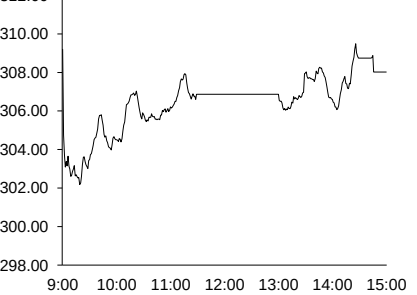
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

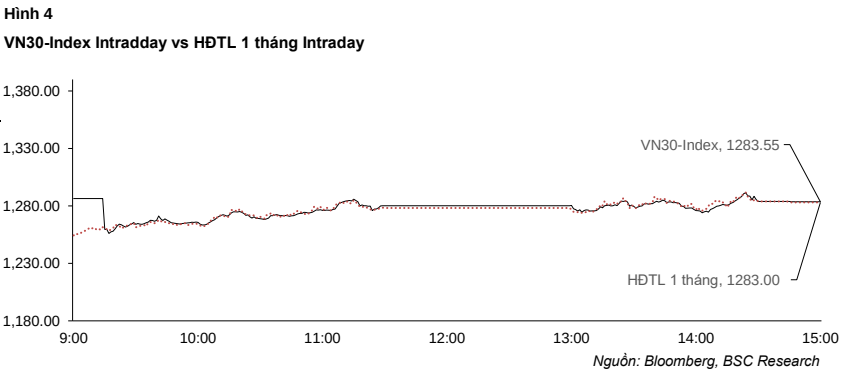
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	37.3	1	6.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	6.57%	0.00%	6.57%	1
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1283.00	0.16%	-0.55	-24.8%	309,709	5/19/2022	0
VN30F2206	1274.50	-0.55%	-9.05	83.9%	29,122	6/16/2022	28
VN30F2209	1274.10	-0.99%	-9.45	-1.8%	107	9/15/2022	119
VN30F2212	1271.50	-1.07%	-12.05	106.7%	62	12/15/2022	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -2.86 điểm lên 1283.55 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VNM, TPB, ACB, HPG đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Phiên đáo hạn HDTL ngày hôm nay cho thấy xu hướng vận động VN30 đang có dấu hiệu hồi phục. Bất chấp xu hướng giảm điểm của Dow Jones và các thông tin tiêu cực, VN30 đã hồi phục khá tốt và chỉ còn giảm khoảng 2 điểm vào cuối phiên. Các nhà đầu tư có thể mở vị thế Long với các HDTL ngắn hạn.
- Các HDTL hầu hết đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2205 và VN30F2209 giảm, các HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều có mức tăng nhẹ, chỉ riêng VN30F2205 giảm. Các nhà đầu tư có thể mở vị thế Long với các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2204	9/20/2022	124	16:1	2,100	24.01%	1,000	600	20.00%	121	4.96	102,639	85,999	78,000
CVHM2205	8/15/2022	88	16:1	81,200	26.44%	1,000	370	5.71%	34	10.82	85,608	78,888	67,000
CVRE2207	10/20/2022	154	8:1	3,900	38.75%	1,000	530	3.92%	134	3.95	40,213	33,333	27,400
CNVL2202	8/15/2022	88	16:1	400	24.01%	1,000	590	3.51%	197	3.00	87,839	79,999	78,000
CHDB2205	10/20/2022	154	5:1	283,500	38.43%	1,000	770	2.67%	310	2.48	27,861	27,111	24,300
CVNM2205	10/20/2022	154	16:1	400	21.01%	1,000	640	0.00%	59	10.89	143,839	79,999	69,000
CVIC2204	8/22/2022	95	16:1	100	25.67%	1,000	640	-1.54%	145	4.42	101,093	83,333	77,900
CVIC2202	8/15/2022	88	16:1	122,800	25.67%	1,100	620	-3.13%	157	3.96	110,222	82,222	77,900
CVIC2206	9/19/2022	123	10:1	500	25.67%	1,900	930	-3.13%	324	2.87	107,500	82,500	77,900
CVHM2207	10/19/2022	153	8:1	1,100	26.44%	2,000	1,320	-3.65%	349	3.79	84,600	73,000	67,000
CVPB2204	11/15/2022	180	16:1	9,200	35.15%	1,000	760	-3.80%	194	3.93	48,328	30,888	30,450
CFPT2203	8/1/2022	74	4:1	883,400	28.63%	3,800	2,490	-4.23%	1,616	1.54	100,720	95,000	97,000
CPOW2201	7/15/2022	57	5:1	67,000	50.27%	1,000	210	-4.55%	27	7.86	42,666	16,666	12,800
CVIC2205	10/20/2022	154	16:1	2,000	25.67%	1,100	750	-5.06%	162	4.62	105,706	86,666	77,900
CVNM2203	8/15/2022	88	20:1	498,600	21.01%	1,000	350	-5.41%	12	29.02	116,111	81,111	125,300
CVNM2204	10/7/2022	141	10:1	31,700	21.01%	1,500	880	-7.37%	248	3.55	84,100	73,000	69,000
CVPB2203	7/15/2022	57	16:1	8,400	35.15%	1,000	480	-11.11%	167	2.87	48,888	28,888	30,450
CMWG2201	9/20/2022	124	10:1	46,100	30.78%	2,600	1,810	-13.40%	972	1.86	157,600	134,500	133,000
CFPT2202	6/24/2022	36	10:1	652,300	28.63%	1,700	1,230	-13.99%	853	1.44	97,200	89,700	97,000
CHPG2208	10/7/2022	141	5:1	1,167,400	32.84%	2,500	1,160	-14.71%	500	2.32	40,700	40,000	37,900
Tổng				3,860,000	29.36%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CFPT2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 194.12% và 53.85%. Giá trị giao dịch giảm -20.02 %, CFPT2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.56 % thị trường.
- CHDB2205, CACB2202, CPOW2201, và CVHM2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2205, CPDR2202, CFPT2111 và CMSN2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2202 và CFPT2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.0	-0.4%	0.6	4,233	4.8	7,030	18.9	4.3	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	102.1	0.0%	0.7	1,076	1.8	5,443	18.8	3.1	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.1	-1.2%	1.4	1,617	3.4	2,557	19.6	1.7	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	48.9	-1.2%	0.6	498	0.3	3,644	13.4	1.5	58.2%	11.1%
VIC	Bất động sản	77.9	-0.1%	0.5	12,918	8.9	(578) N/A	N/A	2.8	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.4	0.0%	1.1	2,707	2.7	401	68.3	2.0	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	67.0	0.1%	0.8	12,684	9.6	8,786	7.6	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	25.5	-4.5%	1.5	674	7.1	1,503	17.0	1.7	31.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	28.5	-0.5%	1.6	1,230	23.5	3,023	9.4	1.9	37.5%	22.6%
VCI	Chứng khoán	37.3	5.1%	1.0	540	8.5	4,884	7.6	1.7	19.5%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.4	2.0%	1.6	464	6.2	2,619	8.9	1.4	42.4%	17.9%
FPT	Công nghệ	97.0	-0.7%	0.9	3,856	5.2	5,152	18.8	4.6	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	72.0	1.4%	0.4	1,028	0.0	4,926	14.6	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	105.8	0.8%	1.0	8,804	5.1	5,109	20.7	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.5	-2.2%	1.5	2,237	2.4	1,950	20.8	2.0	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	28.3	5.2%	1.6	588	20.8	1,408	20.1	1.1	9.1%	5.5%
BSR	Dầu khí	22.8	5.1%	0.8	3,074	12.0	2,108	10.8	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.4	-1.7%	0.3	520	0.0	6,105	15.0	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	53.5	2.1%	1.2	910	14.3	12,920	4.1	1.7	12.9%	50.2%
DCM	Hóa chất	31.4	5.2%	1.2	723	10.6	5,643	5.6	1.9	7.8%	38.9%
VCB	Ngân hàng	76.0	0.8%	0.9	15,638	1.9	4,855	15.7	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.7	-0.7%	1.2	7,621	1.3	2,266	15.3	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.1	-1.9%	1.5	5,453	4.8	2,558	10.2	1.3	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.5	-1.6%	1.2	5,885	12.2	3,874	7.9	1.6	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	26.8	0.4%	1.2	4,394	7.2	3,623	7.4	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	28.6	-1.2%	1.1	3,360	2.3	3,852	7.4	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.9	-0.9%	0.7	195	0.0	3,150	17.4	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	46.0	-1.5%	0.6	236	0.0	3,990	11.5	1.9	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	20.5	-3.3%	1.4	980	0.4	178	115.2	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	37.9	-0.8%	1.1	7,371	26.1	7,443	5.1	1.7	21.6%	40.4%
HSG	Thép	21.0	-2.1%	1.5	449	3.6	7,157	2.9	0.9	6.9%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	69.0	-1.8%	0.6	6,270	4.4	4,390	15.7	4.5	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	162.9	0.9%	0.8	4,542	1.0	5,969	27.3	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	110.4	7.0%	1.0	6,800	8.1	7,041	15.7	5.7	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.0%	1.5	442	1.3	1,144	14.1	1.2	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	86.0	0.6%	0.8	8,140	0.1	363	237.1	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.3	-0.3%	1.1	2,951	4.1	361	346.7	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	18.4	-2.4%	1.7	1,767	0.8	(6,783) N/A	N/A	27.3	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	51.0	-0.4%	1.0	668	3.8	2,256	22.6	2.3	44.9%	10.8%
PVT	Vận tải	19.5	3.4%	1.4	274	3.8	2,088	9.3	1.2	11.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.0	0.0%	0.8	612	0.2	10,540	8.3	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	37.5	7.0%	0.8	731	1.7	3,677	10.2	2.2	4.7%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	-1.8%	1.1	266	0.5	783	20.5	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	47.8	-0.1%	1.3	153	0.8	(27) N/A	N/A	0.4	45.1%	0.0%
CII	Xây dựng	19.5	-2.8%	1.2	213	3.8	1,266	15.4	0.9	10.9%	6.1%
REE	Điện	76.5	4.8%	-1.4	1,182	3.4	5,994	12.8	2.0	49.0%	16.7%
PC1	Điện	33.0	3.1%	-0.4	337	1.4	3,238	10.2	1.6	5.2%	16.9%
POW	Điện	12.8	1.2%	0.6	1,303	6.7	859	14.9	1.0	2.1%	6.9%
NT2	Điện	21.6	-0.2%	0.7	270	0.2	1,933	11.1	1.4	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	41.0	2.5%	1.5	1,026	7.9	1,154	35.5	1.6	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	75.8	1%	0.9	3,411	1.2	1,190	63.7	4.7	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	110.40	6.98	2.59	1.72MLN
VCB	76.00	0.80	0.72	575800
DGC	215.00	5.91	0.52	1.61MLN
OCB	20.20	6.60	0.43	2.79MLN
GAS	105.80	0.76	0.39	1.14MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.69	1.45MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.61	4.27MLN	607060
VPB	0.00	-0.57	9.19MLN	373600
TPB	0.00	-0.42	1.96MLN	192700
GVR	0.00	-0.41	1.74MLN	611640

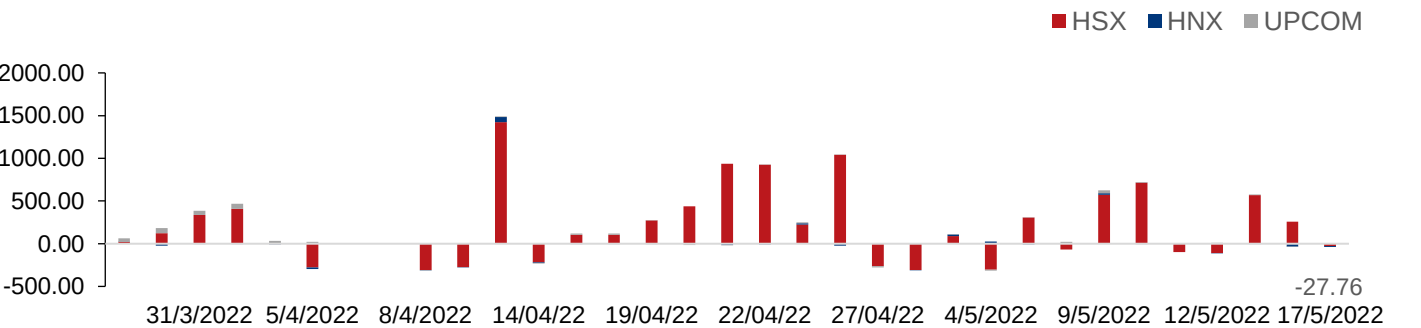
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
UDC	10.70	7.00	0.01	575000.00
VGC	37.50	6.99	0.28	1.10MLN
MSN	110.40	6.98	2.59	1.72MLN
SGT	30.10	6.93	0.04	199300
BSI	24.80	6.90	0.05	863200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OGC	12.20	-6.87	-0.07	2.11MLN
TTE	17.65	-6.86	-0.01	800
DXV	5.25	-6.25	0.00	13300.00
CRC	7.52	-6.23	0.00	44600
TCR	5.65	-5.83	0.00	4000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	97.0	5,152	18.8	4.6	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.2	2,466	11.4	1.8	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	28.7	11,559	2.5	1.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	859	14.9	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	133.0	7,030	18.9	4.3	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.5	2,088	9.3	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	215.0	18,902	11.4	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	37.9	7,443	5.1	1.7	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	41.0	1,154	35.5	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	31.0	5,084	6.1	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	25.5	1,503	17.0	1.7	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	106.9	8,596	12.4	4.8	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	42.0	2,136	19.7	2.1	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.0	2,917	9.3	1.7	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	91.0	8,331	10.9	2.6	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	31.0	1,941	16.0	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.9	3,644	13.4	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	28.3	1,408	20.1	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	105.8	5,109	20.7	3.7	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.9	3,141	6.0	1.2	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	47.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.2	1,701	8.3	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.2	2,433	5.8	1.1	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.0	7,030	18.9	4.3	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	48.1	2,762	17.4	3.4	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.8	1,900	24.6	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.8	2,108	10.8	1.9	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	18.0	1,034	17.4	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	91.0	8,331	10.9	2.6	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.5	2,916	11.1	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.1	689	19.0	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	23.0	2,054	11.2	1.1	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.5	3019.9	14.7	1.8	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.6	1,933	11.1	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	105.8	5,109	20.7	3.7	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	28.7	11,559	2.5	1.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	41.5	1,878	22.1	2.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	69.0	4,390	15.7	4.5	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	97.0	5,152	18.8	4.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	27.4	401	68.3	2.0	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	215.0	18,902	11.4	5.0	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	32.5	6,244	5.2	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639